

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
PHƯỜNG TÂY HIẾU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2025/NQ-HĐND

Tây Hiếu, ngày 27 tháng 7 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc ban hành Quy chế hoạt động  
của Hội đồng nhân dân phường Tây Hiếu Khóa I, Nhiệm kỳ 2021-2026**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc Hội và Hội đồng nhân dân ngày 20/11/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành Văn bản QPPL ngày 19/02/2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành Văn bản QPPL ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số: 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Nghị định số: 187/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét tờ trình số: 05/TTr-HĐND ngày 11/7/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân phường Tây Hiếu; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân phường Tây Hiếu Khóa I, Nhiệm kỳ 2021-2026,*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị Quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân phường Tây Hiếu khóa I, Nhiệm kỳ 2021-2026.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 04 tháng 8 năm 2025.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban Hội đồng nhân dân phường, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường, Đại biểu Hội đồng nhân dân phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Tây Hiếu khoá I, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 24 tháng 7 năm 2025. /*

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TT Đảng ủy; TT HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Ủy ban MTTQVN phường;
- Đại biểu HĐND phường
- Các cơ quan, ban, ngành cấp phường;
- Lưu VT.



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Công Hoan**





**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
PHƯỜNG TÂY HIẾU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ  
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂY HIẾU  
KHÓA I – NHIỆM KỲ 2021-2026**

*(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số ...../2025/NQ-HĐND  
ngày tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Tây Hiếu)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định nguyên tắc, chế độ, hình thức làm việc, quan hệ công tác, quy trình, trách nhiệm giải quyết công việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường Tây Hiếu; trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, Ủy viên Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường Tây Hiếu khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026.

**2. Đối tượng áp dụng**

Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường Tây Hiếu và các tổ chức, các nhân có liên quan.

**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng nhân dân phường Tây Hiếu**

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, công khai, minh bạch, phục vụ Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân.

2. Làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số, đại biểu Hội đồng nhân dân phường bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân phường Tây Hiếu chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân phường; ban hành văn bản và được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân phường để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân phường Tây Hiếu (sau đây gọi là Thường trực HĐND), các Ban Hội đồng nhân dân phường Tây Hiếu (sau đây gọi là Ban Hội đồng nhân dân), Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường Tây Hiếu (sau đây gọi là Tổ đại biểu HĐND), đại biểu Hội đồng nhân dân phường Tây Hiếu (sau đây gọi là đại biểu HĐND) thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 02 tháng 8 năm 2023



(Văn bản hợp nhất các văn bản Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân); các quy định pháp luật khác có liên quan và các quy định tại Quy chế này.

## **Chương II**

### **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG**

#### **Điều 3. Hội đồng nhân dân phường**

Hội đồng nhân dân phường Tây Hiếu khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do Thường trực HĐND tỉnh chỉ định; Đại biểu của HĐND phường Quang Tiến, xã Tây Hiếu, xã Nghĩa Tiến nhiệm kỳ 2021 – 2026 nhập lại.

Hội đồng nhân dân phường là cơ quan quyền lực nhà nước ở phường, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, quyết định các vấn đề quan trọng của phường, giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước ở phường; chịu trách nhiệm trước Nhân dân phường và cơ quan nhà nước cấp trên.

#### **Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân phường**

1. Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa bàn phường;

b) Quyết định chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế tư nhân và đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân phường; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật;

d) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

2. Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền:

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật;

b) Căn cứ chỉ tiêu được chính quyền địa phương cấp tỉnh giao, quyết định cụ thể biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của HĐND-UBND phường, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn;

c) Xem xét, cho ý kiến về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính phường;

d) Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường;



đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân phường, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân phường;

e) Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và chấp thuận việc đại biểu Hội đồng nhân dân phường thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định của pháp luật.

3. Trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách, liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính phường:

a) Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của phường, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, các quy hoạch chi tiết xây dựng hạ tầng, giao thông trên địa bàn bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch của HĐND, UBND tỉnh và quy hoạch chung của phường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách cấp mình trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp mình và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định của pháp luật về đầu tư công; quyết định biện pháp huy động sự đóng góp của Nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, công trình công cộng, phúc lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

d) Quyết định biện pháp thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã;

đ) Quyết định chương trình, biện pháp hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

4. Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

a) Quyết định biện pháp, chương trình, đề án về phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn;

b) Quyết định biện pháp xây dựng chính quyền địa phương số, kinh tế số, xã hội số ở địa bàn; biện pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền địa phương cấp mình và cung ứng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

5. Trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường, nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng và giao thông:

a) Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp mình trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên nước, rừng, bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật; biện pháp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn;

c) Quyết định biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng, giao thông;



biện pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

6. Trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao:

a) Quyết định biện pháp phát triển sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

7. Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số, tín đồ tôn giáo trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

8. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở phường và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường và cơ quan liên quan khác ở địa phương.

9. Quyết định biện pháp để thực hiện quy hoạch đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển đô thị, quy hoạch chung của tỉnh;

10. Quyết định các biện pháp khuyến khích phát triển kinh tế đô thị, thương mại, dịch vụ, tài chính, công nghệ cao, đổi mới sáng tạo phù hợp với đặc điểm của đô thị theo quy định của pháp luật;

11. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên tổ dân phố; quyết định cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của chính quyền địa phương cấp tỉnh.

12. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

## **THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

### **Điều 5. Thường trực Hội đồng nhân dân**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân phường là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân phường, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2025 và văn bản hợp nhất ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ; các quy định khác có liên quan và Quy chế này; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân phường.



2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường và các Ủy viên là Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân phường.

**Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân phường**

1. Thảo luận và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân phường giao.

2. Triệu tập các kỳ họp của Hội đồng nhân dân phường; phối hợp với Ủy ban nhân dân phường trong việc chuẩn bị kỳ họp của Hội đồng nhân dân phường:

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân phường chuẩn bị dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, đề nghị các phòng, ngành cùng cấp, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân;

b) Quyết định triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân, công bố dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp;

c) Chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri để báo cáo tại kỳ họp;

d) Tổng hợp ý kiến chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân và trả lời chất vấn giữa hai kỳ họp;

đ) Bảo đảm việc chuẩn bị các dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân;

e) Đôn đốc các cơ quan, tổ chức có liên quan gửi tài liệu kỳ họp đúng thời hạn.

3. Đôn đốc, giám sát Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường:

a) Yêu cầu Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan Nhà nước ở địa phương báo cáo trực tiếp hoặc bằng văn bản về tình hình thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường, thi hành các biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường;

c) Khi phát hiện có sai phạm trong thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống nhân dân địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân phường hoặc cơ quan nhà nước có liên quan ở địa phương áp dụng các biện pháp để chấm dứt hành vi vi phạm, xem xét, xử lý và báo cáo kết quả với Thường trực Hội đồng nhân dân.

Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân có thể trình kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân phường hoặc triệu tập phiên họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất để xem xét, quyết định;

d) Xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung những biện pháp nhằm đảm bảo thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường theo đề nghị của Ủy ban nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp gần nhất.



4. Giám sát việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

5. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân; xem xét kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân khi xét thấy cần thiết và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân; tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân:

a) Phân công các Ban Hội đồng nhân dân thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân phường.

Trước kỳ họp thường lệ hoặc kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất, Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức họp để nghe báo cáo kết quả thẩm tra các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp;

b) Phân công các Ban Hội đồng nhân dân tham gia đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường và một số công việc khác;

c) Phân công các Ban Hội đồng nhân dân thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân phường và Thường trực Hội đồng nhân dân; điều hòa, phối hợp, đôn đốc chương trình hoạt động của các Ban Hội đồng nhân dân;

d) Tham dự cuộc họp của các Ban Hội đồng nhân dân;

đ) Chủ trì các cuộc họp giao ban của Thường trực Hội đồng nhân dân với các Ban của Hội đồng nhân dân khi cần thiết;

e) Tổ chức tập huấn, trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân bàn các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân phường ở địa phương.

6. Tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, giám sát và xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp ý kiến, đề xuất, kiến nghị của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

7. Quyết định số lượng thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân phường. Phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân phường trong số đại biểu Hội đồng nhân dân theo đề nghị của Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân.

8. Trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức theo nguyện vọng đối với người được Hội đồng nhân dân phường bầu nếu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ, cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân phường do chuyển công tác khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật chính quyền địa phương ngày 16/6/2025.

9. Thành lập Tổ đại biểu, xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân của Tổ đại biểu, phân công Tổ trưởng và Tổ phó của Tổ đại biểu Hội đồng nhân



dân; quyết định việc chuyển sinh hoạt tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân của đại biểu Hội đồng nhân dân.

10. Quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

11. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân phường đến Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

12. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp; mỗi năm 02 lần thông báo đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp về hoạt động của Hội đồng nhân dân.

13. Ban hành nghị quyết và các văn bản hành chính khác về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.

14. Trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, Thường trực Hội đồng nhân dân được quyết định các nội dung sau đây và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất:

a) Biện pháp giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn;

b) Thường trực Hội đồng nhân dân phường được quyết định chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi thuộc các trường hợp đột xuất, cấp bách theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương;

c) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, PCT HĐND, các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân phường**

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ tọa các phiên họp của Hội đồng nhân dân, bảo đảm thi hành các quy định về hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân, các quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân;

b) Lãnh đạo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân; chỉ đạo việc chuẩn bị dự kiến chương trình, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân;

c) Thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân giữ mối liên hệ với Ủy ban nhân dân, các cơ quan nhà nước, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận phường, các tổ chức xã hội khác và Nhân dân;

d) Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp trong các trường hợp theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng



nhân dân; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân phân công; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

4. Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp phân công Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân mới.

Trường hợp khuyết cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chỉ định người điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân trong số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp phường cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân mới.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường bị xử lý kỷ luật và thuộc trường hợp phải đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giao Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân cho đến khi bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân mới; Trường hợp cả Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cũng bị xử lý kỷ luật thì thực hiện chỉ định người điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân trong số đại biểu Hội đồng nhân dân phường.

Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, người được chỉ định điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân được thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân. Trong trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân thì Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, người được chỉ định điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân quy định tại khoản 4 Điều này ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

### **Điều 8. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân**

1. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân là hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực Hội đồng nhân dân; thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân họp thường kỳ mỗi tháng một lần và họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tham dự.



3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ trì phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân; khi Chủ tịch Hội đồng nhân dân vắng mặt thì uỷ quyền cho một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân chủ trì phiên họp.

4. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do đặc biệt không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

5. Đại diện Ủy ban nhân dân phường; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân.

6. Đại diện các cơ quan, đơn vị trên địa bàn phường, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội phường, các cơ quan, tổ chức có liên quan có thể được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân khi bàn về những nội dung có liên quan.

7. Ủy ban nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm chuẩn bị các dự án, đề án, báo cáo thuộc nội dung chương trình phiên họp theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

### **Điều 9. Thường trực Hội đồng nhân dân tiếp công dân**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xây dựng các quy định, thủ tục tiếp công dân; tổ chức, sắp xếp lịch để đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân; bố trí công chức có đủ trình độ, năng lực và am hiểu về pháp luật để tiếp công dân.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân bố trí lịch trực tiếp tiếp công dân hàng tháng hoặc uỷ nhiệm cho Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tiếp công dân, nhưng Chủ tịch Hội đồng nhân dân cần bố trí ít nhất 01 lần/1 quý để trực tiếp tiếp công dân.

### **Điều 10. Thường trực Hội đồng nhân dân giữ mối liên hệ với Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Đôn đốc các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân bố trí để đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri.

2. Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam phường theo dõi, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri do đại biểu Hội đồng nhân dân chuyển đến các cơ quan nhà nước, tổ chức có liên quan nghiên cứu, giải quyết và theo dõi, đôn đốc việc giải quyết; báo cáo Hội đồng nhân dân những ý kiến, kiến nghị và kết quả giải quyết của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân nghiên cứu, quán triệt các quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động của Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường và các văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

4. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chính sách, chế độ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân có thể tổ chức hội nghị làm việc với Thường trực Hội đồng nhân dân các xã, phường khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An.



## **Chương IV**

### **CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG**

#### **Điều 11. Ban của Hội đồng nhân dân**

1. Ban của Hội đồng nhân dân là cơ quan của Hội đồng nhân dân, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân; kiểm tra, giám sát, kiến nghị về những nội dung thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân.

2. Hội đồng nhân dân phường Tây Hiếu khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 02 Ban, gồm: Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội

Ban của Hội đồng nhân dân gồm có Trưởng Ban kiêm nhiệm, 01 Phó Trưởng Ban chuyên trách và 03 Ủy viên kiêm nhiệm.

3. Thành viên các Ban Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước Hội đồng nhân dân phường và chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban của Hội đồng nhân dân phường về nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

#### **Điều 12. Các lĩnh vực phụ trách của các Ban của Hội đồng nhân dân**

1. Ban Văn hóa - Xã hội chịu trách nhiệm về lĩnh vực tổ chức bộ máy, lĩnh vực khoa học công nghệ và thông tin, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thông tin, thể dục, thể thao và chính sách tôn giáo....

2. Ban Kinh tế - Ngân sách chịu trách nhiệm về kinh tế, tài chính, ngân sách, đầu tư, quy hoạch đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật, giao thông, nông nghiệp, lâm nghiệp, điện, xây dựng, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường, công nghiệp, thương mại, dịch vụ du lịch; thi hành Hiến pháp và pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính.

#### **Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban của Hội đồng nhân dân**

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân phường trong lĩnh vực phụ trách.

2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trong lĩnh vực phụ trách.

3. Giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường trong các lĩnh vực phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi phụ trách.

4. Khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực phụ trách.

5. Báo cáo Hội đồng nhân dân phường, Thường trực Hội đồng nhân dân kết quả hoạt động giám sát.

6. Chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp Hội đồng nhân dân phường hoặc trước Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân phường.

7. Các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Thường trực HĐND và theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 14. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban Hội đồng nhân dân**



1. Các Ban của Hội đồng nhân dân phường phối hợp công tác, trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân phường có trách nhiệm phối hợp công tác với các phòng, tổ chức hành chính, các cơ quan đơn vị trên địa bàn, các đại biểu HĐND tỉnh, Quốc hội được bầu cử trên địa bàn.

3. Ban của Hội đồng nhân dân phường cử thành viên tham gia hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân khi được yêu cầu.

**Điều 15. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án của Ban của Hội đồng nhân dân phường**

1. Ban của Hội đồng nhân dân phường cử thành viên tham gia nghiên cứu dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án; yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan có liên quan cung cấp tài liệu, trình bày nội dung mà Ban thẩm tra; lấy ý kiến người có chuyên môn (nếu cần); khảo sát tình hình địa phương về những nội dung liên quan.

2. Trình tự thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án

a) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình bày tóm tắt nội dung trình;

b) Đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan phát biểu ý kiến;

c) Các thành viên của Ban thảo luận, nêu những nội dung cơ quan trình dự thảo cần giải trình, tiếp thu;

d) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án giải trình, tiếp thu;

đ) Chủ tọa thông qua dự thảo báo cáo thẩm tra và kết luận.

3. Báo cáo thẩm tra cần đánh giá sự phù hợp của dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nêu quan điểm, đề xuất phương án xử lý đối với những nội dung còn có ý kiến khác nhau.

**Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Hội đồng nhân dân phường**

1. Trưởng Ban

a) Chỉ đạo, điều hành công việc của Ban; thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành;

b) Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban, chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban;

c) Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban khác của Hội đồng nhân dân, các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn;

d) Báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Hội đồng nhân dân phường, với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

đ) Thay mặt Ban tham dự các cuộc họp bàn về lĩnh vực Ban phụ trách khi được Ủy ban nhân dân phường và cơ quan có liên quan mời;

e) Tổ chức hoạt động giám sát, khảo sát của Ban;



g) Trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả giám sát tại kỳ họp Hội đồng nhân dân phường.

## 2. Phó Trưởng Ban

a) Giúp Trưởng Ban thực hiện nhiệm vụ và được phân công phụ trách một số công việc của Ban; điều hành công việc của Ban khi được Trưởng Ban ủy quyền;

b) Ký các văn bản của Ban và tổ chức hoạt động của Ban khi Trưởng Ban phân công;

c) Chủ động giải quyết công việc của Ban trong phạm vi thẩm quyền được phân công; định kỳ báo cáo Trưởng Ban.

## **Điều 17. Xây dựng và thực hiện chương trình công tác hàng năm**

1. Căn cứ chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân phường, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân phường chủ động xây dựng chương trình công tác hàng năm.

2. Ban của Hội đồng nhân dân phường họp ít nhất mỗi quý một lần để đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác của Ban, bàn công tác tháng, quý và phân công nhiệm vụ cho các uỷ viên. Thành viên của Ban tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Trưởng Ban.

## **Chương V**

### **ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

#### **Điều 18. Đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân phường đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước Hội đồng nhân dân phường về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham dự đầy đủ, chấp hành nội quy các kỳ họp, phiên họp, phiên thảo luận của Hội đồng nhân dân phường và của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; dự cuộc họp các Ban của Hội đồng nhân dân mà đại biểu là uỷ viên.

3. Hằng năm đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu.

#### **Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân; trường hợp không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tọa kỳ họp, phiên họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do chính đáng thì Thường trực Hội đồng nhân dân phải báo cáo Hội đồng nhân dân để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đó.



3. Đại biểu Hội đồng nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với cử tri nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân, các cơ quan, tổ chức hữu quan; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện tiếp công dân; tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định của pháp luật.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền đề xuất sáng kiến xây dựng chính sách ở địa phương; quyền kiến nghị Hội đồng nhân dân tổ chức phiên họp chuyên đề, phiên họp kín hoặc phiên họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử vào các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36 của Luật chính quyền địa phương ngày 16/6/2025. Người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách những người ứng cử.

7. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp. Chánh Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực.

8. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

9. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

10. Không được bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Hội đồng nhân dân, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân nếu không có sự đồng ý của Hội đồng nhân dân hoặc của Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị tạm giữ vì phạm tội quả tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

#### **Điều 20. Giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, quy định của cơ quan nhà nước và nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường hoặc giám sát các nội dung được Hội đồng nhân dân phường, Thường trực Hội đồng nhân dân phân công.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường có trách nhiệm nghiên cứu, góp ý vào nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân phường; tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân.

3. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân họp ít nhất 01 quý 01 lần để bàn kế hoạch công tác, phân công đại biểu tiếp công dân, nghiên cứu pháp luật, chính



sách của nhà nước. Thành viên Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ tham dự đầy đủ các cuộc họp của Tổ đại biểu, trong trường hợp không thể tham dự được thì đại biểu phải báo cáo với Tổ trưởng Tổ đại biểu. Các cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phải được ghi thành biên bản và gửi Thường trực Hội đồng nhân dân. Chữ ký của Tổ trưởng, Tổ phó là cơ sở xác nhận tính pháp lý của văn bản do Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân ban hành.

4. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn bầu cử để thực hiện nhiệm vụ.

**Điều 21. Trách nhiệm tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân phường của đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân phường, thảo luận và biểu quyết các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự kỳ họp, phiên họp thì có lý do và báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường trước khi họp. Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân phường bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân vắng mặt tại các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do.

**Điều 22. Quyền chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Ủy viên Ủy ban nhân dân phường, người đứng đầu cơ quan thuộc ủy ban nhân dân cùng cấp. Người trả lời chất vấn phải trả lời những nội dung mà đại biểu Hội đồng nhân dân chất vấn.

2. Trong kỳ họp Hội đồng nhân dân họp, đại biểu Hội đồng nhân dân gửi chất vấn đến Thường trực Hội đồng nhân dân, người trả lời chất vấn phải trả lời tại kỳ họp đó. Hội đồng nhân dân có thể quyết định cho trả lời chất vấn những nội dung cần điều tra, xác minh tại kỳ họp tiếp theo của Hội đồng nhân dân phường hoặc trả lời bằng văn bản gửi đại biểu đã chất vấn và Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân phường, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân gửi Thường trực Hội đồng nhân dân để chuyển đến người trả lời chất vấn và quyết định thời hạn trả lời chất vấn.

**Điều 23. Quyền kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền kiến nghị Hội đồng nhân dân phường bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu, tổ chức phiên họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất của Hội đồng nhân dân phường và kiến nghị về những nội dung mà đại biểu thấy cần thiết.

2. Kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân nêu rõ lý do, nội dung kiến nghị gửi bằng văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân để tổng hợp, xử lý, báo cáo Hội đồng nhân dân theo quy định tại Khoản 3 Điều này hoặc khi cần thiết.

3. Khi có từ một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân trở lên kiến nghị Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu, kiến nghị Hội đồng nhân dân phường họp chuyên đề hoặc



họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất hoặc họp kín thì Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định.

4. Số lượng kiến nghị quy định tại Khoản 3 Điều này là tổng số kiến nghị mà Thường trực Hội đồng nhân dân tiếp nhận được trong khoảng thời gian từ ngày khai mạc kỳ họp này đến trước ngày khai mạc kỳ họp tiếp theo hoặc đến trước ngày Hội đồng nhân dân phường tổ chức phiên họp về nội dung có liên quan mà đại biểu Hội đồng nhân dân kiến nghị Hội đồng nhân dân phường tổ chức phiên họp kín.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền kiến nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng biện pháp cần thiết để thực hiện Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.<sup>0</sup>

**Điều 24. Quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật**

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức có liên quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan, tổ chức giải quyết và thông báo cho đại biểu Hội đồng nhân dân bằng văn bản. Quá thời hạn này mà cơ quan, tổ chức không trả lời thì đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên xem xét, giải quyết.

**Điều 25. Quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân trong yêu cầu cung cấp thông tin**

1. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân cung cấp những thông tin mà đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu theo quy định của pháp luật.

**Điều 26. Quyền miễn trừ của đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Cơ quan chức năng không được bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân nếu không có sự đồng ý của HĐND phường hoặc thường trực HĐND trong thời gian HĐND phường không họp.

2. Trường hợp đại biểu HĐND bị tạm giữ vì phạm tội quả tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Hội đồng nhân dân phường hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

**Điều 27. Tạm đình chỉ, thôi làm nhiệm vụ đại biểu**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân trong các trường hợp sau đây:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân bị khởi tố;

b) Trong quá trình xem xét, xử lý hành vi vi phạm của đại biểu Hội đồng nhân dân, có cơ sở xác định phải xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên đối với đại biểu



Hội đồng nhân dân là cán bộ, công chức, viên chức hoặc xử lý bằng pháp luật hình sự mà cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đã có văn bản đề nghị tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân đối với đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu và khôi phục các quyền và lợi ích hợp pháp khác khi cơ quan có thẩm quyền có quyết định, kết luận về việc không có vi phạm, không xử lý kỷ luật, quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đối với đại biểu đó hoặc kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên đại biểu đó không có tội hoặc được miễn trách nhiệm hình sự.

Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị xử lý kỷ luật thì tùy theo tính chất, mức độ có thể xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định việc cho tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu hoặc đề nghị Hội đồng nhân dân bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp xem xét, chấp thuận việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân trong các trường hợp sau đây:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân không còn công tác tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình đang là đại biểu và không cư trú tại đơn vị hành chính mà mình đang là đại biểu;

b) Theo đề nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác.

4. Việc Thường trực Hội đồng nhân dân tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân, chấp thuận việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này phải được báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

### **Điều 28. Bãi nhiệm và mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân và không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân thì bị Hội đồng nhân dân hoặc cử tri bãi nhiệm.

Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân phường bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường đưa ra để cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trong trường hợp Hội đồng nhân dân phường bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân thì việc bãi nhiệm phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân phường biểu quyết tán thành.

Trình tự cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án thì đương nhiên mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.



3. Đại biểu Hội đồng nhân dân đã thôi làm nhiệm vụ đại biểu, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bị mất quyền đại biểu thì đương nhiên thôi đảm nhiệm các chức vụ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân.

## **Chương VI**

### **KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

#### **Điều 29. Kỳ họp Hội đồng nhân dân**

1. Hội đồng nhân dân phường họp mỗi năm ít nhất hai kỳ.
2. Hội đồng nhân dân phường họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.
3. Cử tri ở phường có quyền làm đơn yêu cầu Hội đồng nhân dân phường họp, bàn và quyết định những công việc của phường. Khi trong đơn yêu cầu có chữ ký của trên 10% tổng số cử tri của phường thì Thường trực Hội đồng nhân dân phường có trách nhiệm tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất để bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị. Đơn yêu cầu của cử tri được xem là hợp lệ khi có kèm theo đầy đủ chữ ký, họ tên, ngày, tháng, năm sinh và địa chỉ của từng người ký tên. Những người ký tên trong đơn yêu cầu được cử một người làm đại diện tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị.
4. Hội đồng nhân dân phường họp công khai. Hội đồng nhân dân phường họp kín khi cần thiết, theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân phường.

#### **Điều 30. Triệu tập và thông báo kỳ họp Hội đồng nhân dân**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định triệu tập và gửi dự kiến chương trình kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày, kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc.
2. Chậm nhất là 40 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, Thường trực Hội đồng nhân dân chủ trì họp với Ủy ban nhân dân phường, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, các phó Ban của Hội đồng nhân dân và các cơ quan có liên quan để dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp.
3. Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình kỳ họp phải được gửi tới Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân.
4. Chậm nhất 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi Ủy ban nhân dân phường, các cơ quan nhà nước có liên quan để nghiên cứu trả lời, giải trình.
5. Chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân gửi đại biểu Hội đồng nhân dân dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình kỳ họp, báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân và các tài liệu khác.



6. Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ hoặc 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất, Thường trực Hội đồng nhân dân thông báo thời gian, địa điểm và dự kiến chương trình kỳ họp trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

7. Chương trình kỳ họp do Hội đồng nhân dân phường thông qua trước khi khai mạc kỳ họp theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

### **Điều 31. Khách mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân chỉ đạo Văn phòng HĐND-UBND phường gửi giấy mời và tài liệu kỳ họp tới đại biểu cấp trên, đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh được bầu cử trên đại bàn.

2. Thành viên Ủy ban nhân dân phường, đại diện Tòa án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Nghệ An tham dự các phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân phường thảo luận những nội dung có liên quan đến ngành, lĩnh vực phụ trách. Khách mời kỳ họp được phát biểu ý kiến về nội dung thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách khi chủ tọa yêu cầu.

3. Đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phường được mời tham dự các phiên họp công khai của Hội đồng nhân dân phường thảo luận về các nội dung có liên quan.

4. Đại diện các đơn vị trong lực lượng vũ trang, tổ chức xã hội, cơ quan báo chí, truyền hình và các thành phần có liên quan.

### **Điều 32. Nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân**

1. Tại kỳ họp thường lệ, Hội đồng nhân dân phường quyết định những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn; nghe Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri, thông báo kết quả thực hiện chương trình và kế hoạch giám sát; nghe Ủy ban nhân dân phường báo cáo kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri; nghe Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường thông báo công tác tham gia xây dựng chính quyền và những ý kiến, kiến nghị của Nhân dân; xem xét báo cáo hoạt động của Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân, báo cáo của Ủy ban nhân dân phường và báo cáo công tác của các cơ quan, đơn vị liên quan khác theo hướng dẫn của UBND; xem xét việc trả lời chất vấn và những nội dung khác thuộc thẩm quyền.

2. Kỳ họp cuối nhiệm kỳ được tiến hành chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân khóa mới. Tại kỳ họp này, ngoài các báo cáo như kỳ họp thường lệ, Hội đồng nhân dân phường, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường và các đơn vị liên quan khác.

### **Điều 33. Trình tự phát biểu của đại biểu Hội đồng nhân dân tại phiên họp toàn thể**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân đăng ký phát biểu; chủ tọa mời từng đại biểu phát biểu.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân phát biểu tập trung vào nội dung thảo luận, không phát biểu quá 02 lần về cùng một nội dung; thời gian phát biểu không quá 10 phút; nếu thảo luận thêm, thời gian và số lần phát biểu do chủ tọa kỳ họp quyết định.



3. Đại biểu Hội đồng nhân dân đăng ký nhưng chưa được phát biểu hoặc phát biểu chưa hết ý kiến ghi lại ý kiến gửi cho Tổ thư ký kỳ họp.

### **Điều 34. Biểu quyết tại phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân**

1. Tại phiên họp toàn thể, Hội đồng nhân dân thường quyết định các nội dung bằng hình thức biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân không được biểu quyết thay cho đại biểu Hội đồng nhân dân khác.

2. Hội đồng nhân dân thường quyết định một trong hai hình thức biểu quyết: Biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín.

3. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thường được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành; nghị quyết bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân được thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thường biểu quyết tán thành.

4. Khi cần biểu quyết lại những nội dung đã được Hội đồng nhân dân thường biểu quyết thông qua, chủ tọa kỳ họp yêu cầu cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân thường xem xét, quyết định việc biểu quyết lại.

### **Điều 35. Nhiệm vụ của thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân**

1. Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân thường có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp.

2. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp.

3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến phát biểu của đại biểu tại cuộc họp tổ đại biểu và phiên họp toàn thể.

4. Giúp chủ tọa kỳ họp điều hành thảo luận, chất vấn, biểu quyết và điều hành kỳ họp.

5. Giúp Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân, các cơ quan có liên quan chính lý dự thảo nghị quyết và các văn bản trình Hội đồng nhân dân thường.

6. Chuẩn bị, khâu nối các phòng, cơ quan, đơn vị liên quan để cung cấp đầy đủ các văn bản liên quan trình kỳ họp chậm nhất trước 7 ngày trước khi kỳ họp diễn ra.

7. Giúp chủ tọa kỳ họp cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.

8. Lưu lập và gửi các tài liệu liên quan đến đại biểu, khách mời và cấp trên theo quy định.

9. Thực hiện các nội dung khác theo yêu cầu của Thường trực HĐND.

### **Điều 36. Trình tự thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân**

1. Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo Hội đồng nhân dân thường.

2. Đại diện Ban của Hội đồng nhân dân báo cáo thẩm tra.

3. Hội đồng nhân dân thường thảo luận. Trước khi thảo luận, Hội đồng nhân dân thường có thể tổ chức thảo luận ở Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.



4. Khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, chủ tọa có thể nêu những nội dung còn có ý kiến khác nhau để Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định; hoặc khi cần thiết, yêu cầu các cơ quan có liên quan báo cáo, giải trình những nội dung mà đại biểu Hội đồng nhân dân quan tâm.

5. Hội đồng nhân dân phường biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo bằng hai cách: Biểu quyết từng vấn đề, sau đó biểu quyết toàn bộ; hoặc biểu quyết toàn bộ một lần.

**Điều 37. Ban hành nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân**

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường do Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc chủ tọa kỳ họp ký chứng thực.

2. Biên bản kỳ họp Hội đồng nhân dân phường do Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường hoặc chủ tọa kỳ họp ký tên.

3. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân phường phải được Thường trực Hội đồng nhân dân gửi đến HĐND tỉnh Nghệ An.

4. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường phải được gửi các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện; đăng công báo, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, niêm yết và lưu trữ theo quy định.

**Chương VII**

**ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG TIẾP XÚC CỬ TRI VÀ TIẾP CÔNG DÂN**

**MỤC 1**

**ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG TIẾP XÚC CỬ TRI**

**Điều 38. Trách nhiệm tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân**

Đại biểu Hội đồng nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri; có trách nhiệm tiếp xúc, tiếp thu, phản ánh trung thực, trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; ít nhất mỗi năm một lần báo cáo cử tri kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và của Hội đồng nhân dân phường.

**Điều 39. Tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri trước kỳ họp thường lệ.

Sau tiếp xúc cử tri, chậm nhất 2 ngày UBMTTQ phường tổng hợp kiến nghị cử tri gửi đến Thường trực HĐND, HĐND phường kiểm tra và chuyển đến Văn phòng HĐND-UBND tham mưu chuyển đến UBND phường để chỉ đạo các phòng, các cơ quan liên quan giải quyết và báo cáo.

2. Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tổng hợp báo cáo kết quả phản ánh của cử tri gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tại các phiên họp thường kỳ hàng tháng, nếu nội dung có tính chất phức tạp trên cơ sở báo cáo của các tổ đại biểu HĐND, giao Văn phòng HĐND-UBND phường tổng hợp báo cáo lãnh đạo UBND phường yêu cầu các phòng ngành liên quan báo cáo giải trình.



3. Chậm nhất 15 ngày sau ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri để báo cáo kết quả kỳ họp hoặc kết hợp với cuộc sinh hoạt thôn khối để báo cáo kết quả kỳ họp đến cử tri.

4. Mỗi năm 01 lần vào cuối năm, đại biểu Hội đồng nhân dân báo cáo cử tri kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm. Cử tri có thể thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường hoặc trực tiếp trình bày ý kiến nhận xét hoạt động của Hội đồng nhân dân phường và đại biểu Hội đồng nhân dân tại hội nghị tiếp xúc cử tri.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân có thể thông qua Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc người đứng đầu địa phương, cơ quan đơn vị để được hỗ trợ tổ chức tiếp xúc cử tri tại nơi cư trú, nơi làm việc.

#### **Điều 40. Kế hoạch tiếp xúc cử tri**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri trước khi tổ chức kỳ họp thường lệ.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân gửi kế hoạch tiếp xúc cử tri đến Ủy ban nhân dân phường, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân, đồng thời thông báo cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các đơn vị khối nơi tiếp xúc cử tri để thực hiện.

#### **Điều 41. Nội dung, trình tự tại Hội nghị tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân**

1. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam phường tổ chức tiếp xúc cử tri, chủ trì hội nghị, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, chương trình nội dung hội nghị và cử thư ký ghi biên bản hội nghị.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân báo cáo: Chương trình, nội dung kỳ họp đối với hội nghị tiếp xúc trước kỳ họp; kết quả kỳ họp, phổ biến, giải thích, vận động nhân dân thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường và kết quả giải quyết ý kiến kiến nghị của cử tri đối với hội nghị tiếp xúc cử tri sau kỳ họp; báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của phường.

3. Cử tri phát biểu ý kiến.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, các phòng, tổ chức hành chính, tổ trưởng các tổ dân phố, cơ quan, tổ chức liên quan phát biểu trả lời những vấn đề cử tri nêu lên thuộc thẩm quyền.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân phát biểu, tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri.

6. Kết thúc hội nghị tiếp xúc cử tri.

#### **Điều 42. Phân loại ý kiến, kiến nghị cử tri**

1. Trong vòng 03 ngày sau tiếp xúc cử tri, Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường phối hợp tổ đại biểu Hội đồng và các cơ quan đơn vị liên quan tổng hợp, phân loại kiến nghị cử tri gửi đến Thường trực Hội đồng nhân



dân phường (nếu thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND phường) và Thường trực HĐND tỉnh, MTTQVN tỉnh và các sở, ngành cấp tỉnh Nghệ An (nếu thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh)

2. Văn phòng HĐND-UBND phường phân loại ý kiến, kiến nghị của cử tri như sau:

a) Trên cơ sở Thông báo của MTTQVN phường tổng hợp ý kiến, phân loại kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết tham mưu Thường trực HĐND, UBND phường để giao các phòng, đơn vị giải quyết KNCT.

b) Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường gửi các phòng, ban, cơ quan liên quan để giải quyết, trả lời, đồng thời tổng hợp kết quả giải quyết của UBND phường gửi đến HĐND phường, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và cử tri phường.

## MỤC 2

### **ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG TIẾP CÔNG DÂN**

#### **Điều 43. Trách nhiệm tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân.

2. Tổ trưởng các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phân công đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân tại nơi thực hiện nhiệm vụ đại biểu báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi đại biểu Hội đồng nhân dân công tác tạo điều kiện để đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân, nhận đơn, chuyển đơn, đơn đốc, theo dõi, giám sát việc giải quyết khiếu nại tố cáo, kiến nghị của công dân.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân để tiếp thu ý kiến, kiến nghị của công dân đối với các nội dung thuộc thẩm quyền, giải thích, tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hướng dẫn, giúp đỡ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, nhận đơn thư của công dân chuyển tổ chức, cá nhân có liên quan giải quyết, trả lời.

#### **Điều 44. Tổng hợp, đơn đốc việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân nghiên cứu, kịp thời chuyển kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân đến tổ chức, cá nhân liên quan và thông báo cho công dân biết; đơn đốc, theo dõi và giám sát việc giải quyết, trả lời. Tổ chức, cá nhân có liên quan giải quyết, thông báo kết quả cho đại biểu Hội đồng nhân dân đúng thời hạn.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân phường khi xét thấy việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị trái pháp luật có quyền gặp người đứng đầu tổ chức, cá nhân có liên quan tìm hiểu, yêu cầu xem xét, giải quyết lại.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tổng hợp ý kiến, kiến nghị, đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân.



4. Thường trực Hội đồng nhân dân giúp Hội đồng nhân dân phường xem xét, đơn đốc việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, phản ánh của các cơ quan thông tin đại chúng.

### **Chương VIII**

## **GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, THƯỜNG TRỰC, CÁC BAN, TỔ ĐẠI BIỂU, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

### **MỤC I**

## **GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

### **Điều 45. Giám sát của Hội đồng nhân dân**

1. Xem xét báo cáo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường, các đơn vị liên quan và các báo cáo khác theo quy định.
2. Xem xét trả lời chất vấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, các thành viên khác của UBND, người đứng đầu cơ quan thuộc UBND.
3. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân phường, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường có dấu hiệu trái với Hiến pháp, pháp luật.
4. Giám sát chuyên đề.
5. Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân phường bầu.
6. Giám sát những nội dung cụ thể khi xét thấy cần thiết và xem xét kết quả giám sát của các đoàn giám sát.

### **Điều 46. Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân**

1. Chậm nhất là ngày 01 tháng 6 của năm trước, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, cử tri gửi ý kiến, kiến nghị giám sát, nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát gửi Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận, dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân phường năm sau trình Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ giữa năm của Hội đồng nhân dân phường.

2. Hội đồng nhân dân phường quyết định chương trình giám sát hằng năm theo trình tự sau đây:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân trình bày dự kiến chương trình giám sát;

b) Hội đồng nhân dân phường thảo luận;

c) Hội đồng nhân dân phường biểu quyết thông qua.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân phường, trừ trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp giữa năm sau của Hội đồng nhân dân phường.

### **Điều 47. Xem xét báo cáo**



### 1. Hội đồng nhân dân phường xem xét các báo cáo

a) Báo cáo công tác 06 tháng, hằng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường và các đơn vị liên quan thuộc thẩm quyền.

b) Báo cáo công tác nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường và các đơn vị liên quan thuộc thẩm quyền.

c) Báo cáo của Ủy ban nhân dân phường về: Kinh tế - Xã hội; thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước; công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri và các báo cáo khác thuộc thẩm quyền;

d) Báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;

đ) Các báo cáo theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

### 2. Thời điểm xem xét các báo cáo

a) Tại kỳ họp thường lệ hàng năm;

b) Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ;

c) Thời điểm xem xét các báo cáo theo quy định của Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Các Ban của Hội đồng nhân dân thẩm tra các báo cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Hội đồng nhân dân phường xem xét các báo cáo theo trình tự sau đây:

a) Người đứng đầu cơ quan báo cáo trình bày;

b) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Người đứng đầu cơ quan báo cáo có bổ sung những nội dung có liên quan mà Hội đồng nhân dân phường quan tâm;

d) Hội đồng nhân dân phường thảo luận.

5. Hội đồng nhân dân phường có thể ban hành nghị quyết về công tác của cơ quan báo cáo gồm những nội dung cơ bản sau đây:

a) Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân của hạn chế, tồn tại; trách nhiệm của cơ quan báo cáo và người đứng đầu;

b) Thời hạn khắc phục hạn chế, tồn tại;

c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, cá nhân;

d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết giám sát.

### **Điều 48. Chất vấn, xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân**

1. Trước phiên họp chất vấn, đại biểu Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu HĐND đề xuất nội dung chất vấn, người trả lời chất vấn gửi Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân đề nghị Hội đồng nhân dân phường quyết định nhóm vấn đề và người trả lời chất vấn.

3. Hoạt động chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân phường được thực hiện theo trình tự sau đây:



a) Đại biểu Hội đồng nhân dân chất vấn, có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể...;

b) Người trả lời chất vấn trả lời trực tiếp, đầy đủ nội dung chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, tồn tại;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại;

d) Những đơn vị liên quan khác có thể được mời tham dự phiên chất vấn về những nội dung liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao.

Thời gian chất vấn, trả lời chất vấn do Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường quyết định.

4. Trả lời chất vấn bằng văn bản trong các trường hợp sau đây:

a) Chất vấn không thuộc nhóm nội dung chất vấn tại kỳ họp;

b) Nội dung chất vấn cần được điều tra, xác minh;

c) Chất vấn thuộc nhóm nội dung chất vấn tại kỳ họp nhưng chưa được trả lời tại kỳ họp.

Người trả lời chất vấn phải trả lời trực tiếp bằng văn bản gửi người chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn.

Người chất vấn không đồng ý với nội dung trả lời có quyền đề nghị Hội đồng nhân dân phường đưa ra thảo luận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân hoặc kiến nghị Hội đồng nhân dân phường xem xét trách nhiệm đối với người trả lời chất vấn.

5. Hội đồng nhân dân phường có thể ban hành nghị quyết chất vấn gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Đánh giá những kết quả, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân hạn chế tồn tại trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người trả lời chất vấn;

b) Thời hạn khắc phục hạn chế, tồn tại;

c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, cá nhân;

d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết chất vấn.

6. Phiên họp chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân phường được thông tin đến cử tri và Nhân dân.

7. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân phường, người trả lời chất vấn gửi báo cáo thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về chất vấn, các nội dung đã hứa tại kỳ họp trước đến Thường trực Hội đồng nhân dân để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân.

**Điều 49. Xem xét văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân**

1. Hội đồng nhân dân phường xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân phường, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường có dấu hiệu trái với Hiến pháp, pháp luật, Văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên,



ng nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Hội đồng nhân dân phường xem xét văn bản quy phạm pháp luật quy định theo Khoản 1 Điều này như sau:

- a) Thường trực Hội đồng nhân dân trình bày;
- b) Hội đồng nhân dân phường thảo luận;
- c) Người đứng đầu cơ quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật trình bày bổ sung những nội dung liên quan;
- d) Hội đồng nhân dân phường quyết nghị xem xét văn bản.

3. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phải xác định văn bản quy phạm pháp luật trái hoặc không trái với Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường; nếu trái, Hội đồng nhân dân phường quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản.

#### **Điều 50. Giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân**

1. Căn cứ chương trình giám sát, Hội đồng nhân dân ra nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về việc thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Đoàn giám sát do Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân làm Trưởng đoàn, các thành viên khác gồm Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, đại diện Ban của Hội đồng nhân dân và một số đại biểu Hội đồng nhân dân. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia Đoàn giám sát.

2. Đoàn giám sát có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng đề cương báo cáo để cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo;

b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân ra nghị quyết thành lập Đoàn giám sát; thông báo chương trình và thành phần Đoàn giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày Đoàn tiến hành làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;

c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;

d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm;

đ) Xem xét, xác minh, mời chuyên gia tư vấn về vấn đề mà Đoàn giám sát xét thấy cần thiết;

e) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Đoàn giám sát có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ



quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

g) Khi kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Hội đồng nhân dân xem xét tại kỳ họp gần nhất.

Trước khi báo cáo Hội đồng nhân dân, Đoàn giám sát báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân về kết quả giám sát.

3. Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau đây:

- a) Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát;
- b) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo, giải trình;
- c) Hội đồng nhân dân thảo luận.

Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan;

d) Hội đồng nhân dân ra nghị quyết về vấn đề được giám sát. Nội dung nghị quyết giám sát chuyên đề theo quy định của Luật

4. Nghị quyết giám sát được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

#### **Điều 51. Hội đồng nhân dân phường lấy phiếu tín nhiệm**

1. Hội đồng nhân dân phường lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND phường bầu gồm những người giữ các chức vụ sau đây:

- a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân phường;
- b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Ủy viên Ủy ban nhân dân phường.

2. Kỳ họp Hội đồng nhân dân phường thực hiện lấy phiếu tín nhiệm theo trình tự sau đây:

- a) Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân phường quyết định danh sách những người được lấy phiếu tín nhiệm;
- b) Hội đồng nhân dân phường lấy phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín;
- c) Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân phường thông qua nghị quyết xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm.

3. Người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân phường đánh giá tín nhiệm thấp thì thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

4. Thời hạn, thời điểm, trình tự lấy phiếu tín nhiệm đối với người được Hội đồng nhân dân phường bầu thực hiện theo Nghị quyết của Quốc hội.

#### **Điều 52. Hội đồng nhân dân phường bỏ phiếu tín nhiệm**

1. Hội đồng nhân dân phường bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân phường bầu trong các trường hợp sau đây:

- a) Khi có kiến nghị của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân;



- b) Khi có kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường;
- c) Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân trở lên đánh giá tín nhiệm thấp.

2. Kỳ họp Hội đồng nhân dân phường thực hiện bỏ phiếu tín nhiệm theo trình tự sau đây:

- a) Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân phường bỏ phiếu tín nhiệm;
- b) Người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm trình bày ý kiến;
- c) Hội đồng nhân dân phường thảo luận;
- d) Hội đồng nhân dân phường bỏ phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín;
- đ) Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân phường thông qua nghị quyết xác nhận kết quả bỏ phiếu tín nhiệm.

3. Người được bỏ phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân không tín nhiệm thì có thể xin từ chức; trường hợp không từ chức thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu người đó để Hội đồng nhân dân phường bầu có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người đó.

4. Trình tự bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân phường bầu thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội.

**Điều 53. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân phường xem xét kết quả giám sát**

- 1. Ra nghị quyết về chất vấn.
- 2. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và các Ủy viên Ủy ban nhân dân phường;

## MỤC II

### GIÁM SÁT CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

**Điều 54. Giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân**

- 1. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân phường và nghị quyết của hội đồng nhân dân phường có dấu hiệu trái với Hiến pháp, pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường.
- 2. Xem xét trả lời chất vấn theo quy định.
- 3. Giám sát chuyên đề.
- 4. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân.
- 5. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.
- 6. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.
- 7. Giám sát việc thực hiện kết luận chất vấn tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân phường.



8. Giám sát việc thực hiện kiến nghị sau giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân.

**Điều 55. Chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân căn cứ chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân phường, ý kiến của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân, đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và ý kiến, kiến nghị của cử tri để quyết định chương trình giám sát hàng năm.

Chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân gửi đề nghị giám sát, nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát cho Văn phòng HĐND và UBND phường tổng hợp, trình Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định chương trình giám sát hàng năm chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp cuối năm trước của Hội đồng nhân dân phường và theo trình tự sau đây:

- a) Chánh Văn phòng HĐND-UBND phường tổng hợp trình dự kiến chương trình giám sát;
- b) Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận;
- c) Thường trực Hội đồng nhân dân thông qua chương trình giám sát.

3. Căn cứ vào chương trình giám sát đã được thông qua, Thường trực Hội đồng nhân dân phân công thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân thực hiện các nội dung trong chương trình; giao các Ban của Hội đồng nhân dân thực hiện một số nội dung trong chương trình, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân khi cần thiết.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân kết quả thực hiện chương trình giám sát hàng năm vào kỳ họp giữa năm của năm sau.

**Điều 56. Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân phường**

1. Giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân phường, đại biểu Hội đồng nhân dân ghi nội dung, người trả lời chất vấn gửi Thường trực Hội đồng nhân dân.

Căn cứ vào chương trình phiên họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định nhóm nội dung, người trả lời và thời gian chất vấn.

2. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân chất vấn theo trình tự sau đây:

- a) Đại biểu Hội đồng nhân dân nêu chất vấn, có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể;
- b) Người trả lời chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ nội dung chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, tồn tại;



c) Đại biểu Hội đồng nhân dân không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại;

d) Những người khác có thể được mời tham dự phiên họp và trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân về nội dung thuộc trách nhiệm được phân công.

Thời gian chất vấn, trả lời chất vấn do Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường, cá Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân cho trả lời chất vấn bằng văn bản trong trường hợp sau đây:

- a) Chất vấn không thuộc nhóm nội dung chất vấn tại phiên họp;
- b) Nội dung chất vấn cần được điều tra, xác minh;
- c) Chất vấn thuộc nhóm nội dung chất vấn tại phiên họp nhưng chưa được trả lời tại phiên họp.

Người trả lời chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản, gửi người chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn.

Đại biểu Hội đồng nhân dân không đồng ý với nội dung trả lời có quyền đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân đưa ra thảo luận tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc kiến nghị Thường trực Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân phường xem xét trách nhiệm đối với người trả lời chất vấn.

#### **Điều 57. Giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định thành lập đoàn giám sát chuyên đề, xác định rõ đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần đoàn giám sát và tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Đoàn giám sát do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân làm trưởng đoàn, các thành viên khác gồm đại diện của Ban của Hội đồng nhân dân và một số đại biểu Hội đồng nhân dân. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận phường có thể được mời tham gia đoàn giám sát.

2. Đoàn giám sát có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Xây dựng đề cương báo cáo;
- b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quyết định thành lập đoàn giám sát; thông báo chương trình, thành phần đoàn giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày đoàn làm việc với tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;
- c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;
- d) Yêu cầu tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà đoàn giám sát quan tâm;
- đ) Xem xét, xác minh, lấy ý kiến người có chuyên môn về nội dung mà đoàn giám sát thấy cần thiết;
- e) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đoàn giám sát có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết để



kip thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vi phạm;

g) Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân phường về hoạt động giám sát giữa hai kỳ họp.

#### **Điều 58. Báo cáo kết quả giám sát của đoàn giám sát**

1. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo theo trình tự sau đây:

- a) Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo;
- b) Đại diện tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát phát biểu ý kiến;
- c) Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận.

Trong quá trình thảo luận, đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung những nội dung có liên quan;

- d) Chủ tọa cuộc họp kết luận.

Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân được gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân theo dõi kết quả tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát giải quyết kiến nghị giám sát.

4. Khi cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân đề nghị Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo giám sát tại kỳ họp gần nhất.

#### **Điều 59. Giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân căn cứ vào chương trình giám sát, yêu cầu thành viên của Ủy ban nhân dân phường, các cá nhân có liên quan giải trình những nội dung Thường trực Hội đồng nhân dân quan tâm.

Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định nội dung, kế hoạch và người được yêu cầu giải trình. Đại biểu Hội đồng nhân dân, tổ chức, cá nhân có liên quan, có thể được mời người có chuyên môn tham dự, phát biểu tại phiên giải trình.

2. Nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình của Thường trực Hội đồng nhân dân được thông báo cho cá nhân được yêu cầu giải trình chậm nhất là 10 ngày trước ngày tiến hành phiên giải trình.

3. Phiên giải trình được tổ chức công khai, trừ khi được Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định khác.

4. Phiên giải trình được tiến hành theo trình tự sau đây:

- a) Chủ tọa nêu nội dung và cá nhân có trách nhiệm giải trình;
- b) Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân nêu yêu cầu giải trình;
- c) Người giải trình có trách nhiệm giải trình nội dung được yêu cầu;
- d) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên giải trình phát biểu;



đ) Chủ tọa tóm tắt nội dung phiên giải trình, dự kiến kết luận nội dung giải trình.

e) Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua kết luận nội dung giải trình; kết luận được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.

Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân được gửi đại biểu Hội đồng nhân dân, người được yêu cầu giải trình và tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân; trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định.

#### **Điều 60. Giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức đoàn giám sát hoặc giao cho các Ban của Hội đồng nhân dân giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vi phạm; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của tổ chức, cá nhân đó thì yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết.

#### **Điều 61. Giám sát giải quyết kiến nghị của cử tri**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân giám sát giải quyết kiến nghị cử tri, báo cáo trình Hội đồng nhân dân phường.

2. Ủy ban nhân dân phường báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị cử tri.

Thường trực Hội đồng nhân dân phân công Ban của Hội đồng nhân dân thẩm tra báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị cử tri của Ủy ban nhân dân phường.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo giải quyết kiến nghị của cử tri theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện Ủy ban nhân dân phường trình bày báo cáo;
- b) Cơ quan thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra;
- c) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- d) Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận;
- đ) Chủ tọa phiên họp kết luận.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân xây dựng báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị cử tri và dự thảo nghị quyết giải quyết kiến nghị cử tri trình Hội đồng nhân dân phường.



**Điều 62. Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân trong việc chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát**

1. Xem xét, cho ý kiến về chương trình, nội dung giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân;
2. Yêu cầu Ban của Hội đồng nhân dân điều chỉnh kế hoạch giám sát, tránh trùng lặp;
3. Phân công Ban của Hội đồng nhân dân thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân phường và Thường trực Hội đồng nhân dân;
4. Tổ chức họp định kỳ hàng quý với Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân để phối hợp hoạt động giám sát, đánh giá kết quả giám sát;
5. Báo cáo Hội đồng nhân dân phường kết quả giám sát.

**MỤC III**

**GIÁM SÁT CỦA CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

**Điều 63. Giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân**

1. Thẩm tra các báo cáo của Hội đồng nhân dân phường, Thường trực Hội đồng nhân dân.
2. Giám sát Quyết định của Ủy ban nhân dân phường, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.
3. Giám sát chuyên đề.
4. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.
5. Giám sát việc thực hiện kết luận sau giám sát chuyên đề của các Ban của Hội đồng nhân dân.

**Điều 64. Chương trình giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân**

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân phường, Thường trực Hội đồng nhân dân và ý kiến các thành viên của Ban của Hội đồng nhân dân để xây dựng chương trình giám sát hàng năm.
2. Ban của Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định chương trình giám sát hàng năm vào cuối năm trước. Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tổ chức thực hiện chương trình giám sát; điều chỉnh chương trình giám sát khi cần thiết.

**Điều 65. Thẩm tra báo cáo**

1. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân tổ chức họp thẩm tra báo cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 của Quy chế này theo sự phân công của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường.
2. Thẩm tra báo cáo được tiến hành theo trình tự sau đây:
  - a) Người đứng đầu cơ quan báo cáo trình bày;
  - b) Đại diện cơ quan, tổ chức dự họp phát biểu;
  - c) Ban của Hội đồng nhân dân thảo luận;
  - d) Người đứng đầu cơ quan báo cáo giải trình, tiếp thu;



đ) Chủ tọa phiên họp dự kiến kết luận; Ban của Hội đồng nhân dân biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

3. Ban của Hội đồng nhân dân gửi báo cáo thẩm tra cho Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

#### **Điều 66. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật**

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân thường xuyên theo dõi việc ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan đơn vị cùng cấp.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều này có dấu hiệu trái với Hiến pháp, pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường, có quyền yêu cầu cơ quan ban hành văn bản xem xét, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan ban hành văn bản phải thông báo cho các Ban của Hội đồng nhân dân kết quả giải quyết; quá thời hạn này mà không trả lời hoặc giải quyết không đáp ứng với yêu cầu thì các Ban của Hội đồng nhân dân kiến nghị với Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

#### **Điều 67. Giám sát chuyên đề của các Ban của Hội đồng nhân dân**

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân căn cứ vào chương trình giám sát hoặc qua giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, qua phương tiện thông tin đại chúng, ý kiến, kiến nghị của cử tri phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc khi được Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường giao, tổ chức đoàn giám sát chuyên đề.

Quyết định thành lập đoàn giám sát phải xác định rõ phạm vi, đối tượng, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần đoàn giám sát và tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Đoàn giám sát do Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân làm trưởng đoàn, các thành viên khác gồm Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân và một số đại biểu Hội đồng nhân dân. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận phường có thể được mời tham gia hoạt động đoàn giám sát.

2. Đoàn giám sát có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng đề cương báo cáo;

b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quyết định thành lập đoàn giám sát; thông báo chương trình, thành phần đoàn giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày đoàn giám sát làm việc với tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;

c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;

d) Yêu cầu tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình nội dung mà đoàn giám sát quan tâm;

đ) Xem xét, xác minh, lấy ý kiến chuyên gia về nội dung mà đoàn giám sát thấy cần thiết;



e) Đoàn giám sát khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vi phạm;

g) Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, đoàn giám sát Ban của Hội đồng nhân dân báo cáo kết quả giám sát lên Thường trực Hội đồng nhân dân phường xem xét.

#### **Điều 68. Xem xét báo cáo của đoàn giám sát**

1. Ban của Hội đồng nhân dân tổ chức phiên họp để xem xét, thảo luận báo cáo giám sát theo trình tự sau đây:

- a) Trưởng đoàn giám sát trình bày báo cáo;
- b) Đại diện tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát phát biểu ý kiến;
- c) Ban của Hội đồng nhân dân thảo luận;
- d) Chủ tọa phiên họp kết luận; Ban của Hội đồng nhân dân biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

2. Báo cáo giám sát phải nêu rõ kiến nghị về các biện pháp cần thiết.

3. Các Ban của Hội đồng nhân dân gửi báo cáo giám sát cho Thường trực Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân phường và tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

4. Các Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm theo dõi tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát giải quyết kiến nghị giám sát.

#### **Điều 69. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân**

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức đoàn giám sát để giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vi phạm; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của tổ chức, cá nhân đó thì yêu cầu người đứng đầu tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của các Ban của Hội đồng nhân dân, báo cáo Ban của Hội đồng nhân dân trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết.

### **MỤC IV**

## **GIÁM SÁT CỦA TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**



### **Điều 70. Giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân căn cứ vào chương trình giám sát hoặc phân công của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường, chủ động giám sát theo thẩm quyền, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân quyết định đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch và thành phần tham gia giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

### **Điều 71. Giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Chất vấn theo quy định;
2. Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân phường và nghị quyết của hội đồng nhân dân phường;
3. Giám sát việc thi hành pháp luật;
4. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

### **Điều 72. Chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn trực tiếp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân phường, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc chất vấn bằng văn bản.

2. Nội dung chất vấn phải cụ thể, rõ ràng, có căn cứ và phải liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người trả lời chất vấn.

3. Trình tự, thủ tục chất vấn thực hiện theo quy định.

### **Điều 73. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường, có quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật.

### **Điều 74. Giám sát việc thi hành pháp luật**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân thường xuyên theo dõi, xem xét việc thi hành pháp luật.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thi hành pháp luật tại nơi ứng cử.

3. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thông báo nội dung, kế hoạch giám sát cho tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 07 ngày trước ngày bắt đầu giám sát;

b) Mời đại diện tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia giám sát.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;

b) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của



Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; trường hợp cơ quan, tổ chức không thực hiện hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân không đồng ý với việc giải quyết thì yêu cầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết;

c) Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, đại biểu Hội đồng nhân dân báo cáo kết quả giám sát với Thường trực Hội đồng nhân dân.

**Điều 75. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm nghiên cứu, chuyển khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân đến tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để xem xét, giải quyết; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết, thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị.

2. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết và thông báo bằng văn bản cho đại biểu Hội đồng nhân dân kết quả giải quyết; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu người có thẩm quyền giải quyết hoặc người đứng đầu tổ chức cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết, để giải quyết hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

**Chương IX**

**QUAN HỆ PHỐI HỢP CÔNG TÁC GIỮA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VỚI ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH**

**Điều 76. Hình thức phối hợp**

Thường trực Hội đồng nhân dân và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh phối hợp trong việc tiếp xúc cử tri; tiếp công dân, xem xét giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; giám sát và các hoạt động khác có liên quan thuộc thẩm quyền.

Quan hệ giữa Thường trực Hội đồng nhân dân với UBMTTQVN phường là quan hệ phối hợp.

**Điều 77. Nội dung phối hợp**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân gửi Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh các báo cáo, dự thảo nghị quyết của kỳ họp để góp ý.

2. Khi phối hợp tiếp xúc cử tri Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh chủ trì, phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân thống nhất địa điểm, thời gian, thành phần tham dự để tổ chức thực hiện; kịp thời thông báo, phối hợp giải quyết khi có sự thay đổi.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân mời đại diện Đoàn Đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND tỉnh được bầu tại phường và các đơn vị liên quan khác tham dự các kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân gửi báo cáo kết quả các kỳ họp và các văn bản theo quy định về cấp trên theo yêu cầu.

**Chương X**

**QUAN HỆ PHỐI HỢP CÔNG TÁC GIỮA THƯỜNG TRỰC, CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG**

**Điều 78. Hình thức phối hợp**



Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân phối hợp với Ủy ban nhân dân phường, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân phường chuẩn bị nội dung, chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân phường, xây dựng chính sách, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình kỳ họp; giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân phường; triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường.

#### **Điều 79. Nội dung phối hợp**

1. Ủy ban nhân dân phường mời đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân dự các cuộc họp bàn về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách địa phương và các nhiệm vụ khác, các cuộc họp tổng kết công tác của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường; mời đại diện các Ban của Hội đồng nhân dân dự các cuộc họp của Ủy ban nhân dân phường, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường bàn về những nội dung thuộc lĩnh vực Ban phụ trách.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân mời đại diện Ủy ban nhân dân phường dự các cuộc họp thường kỳ hàng tháng và các cuộc họp khác khi cần thiết; mời thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường dự các cuộc họp thường kỳ hàng tháng, các cuộc họp khác bàn về những nội dung liên quan.

Ban của Hội đồng nhân dân mời đại diện Ủy ban nhân dân phường, thủ trưởng cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân phường dự các cuộc họp bàn về những nội dung liên quan.

#### **Điều 80. Phối hợp cung cấp thông tin**

1. Ủy ban nhân dân phường cung cấp cho Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân phường ban hành.

2. Ủy ban nhân dân phường, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan khi được Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân phường đề nghị.

### **Chương XI**

## **QUAN HỆ PHỐI HỢP CÔNG TÁC GIỮA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG VỚI ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC THÀNH VIÊN**

#### **Điều 81. Hình thức phối hợp**

1. Quan hệ giữa Hội đồng nhân dân phường với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức thành viên là quan hệ phối hợp, tạo điều kiện để cùng thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Mỗi năm 2 lần vào giữa năm và cuối năm, Thường trực Hội đồng nhân dân thông báo bằng văn bản về tình hình tổ chức, hoạt động của Hội đồng nhân dân phường, những kiến nghị, đề xuất gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường.

Hội đồng nhân dân phường mời đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường dự các kỳ họp thường lệ, thông báo về hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường tham gia xây dựng chính quyền, ý kiến, kiến



nghị của Nhân dân; những đề xuất, kiến nghị với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường.

Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân được mời dự các cuộc họp của Ban Thường trực và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường.

### **Điều 82. Nội dung phối hợp**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức thành viên theo dõi hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân và giúp đại biểu Hội đồng nhân dân làm nhiệm vụ đại biểu.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên phường thường xuyên giám sát tiêu chuẩn đại biểu và việc thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường đề nghị Hội đồng nhân dân phường bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân phường bầu; đề nghị bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định pháp luật.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân mời đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, các tổ chức thành viên tham gia hoạt động giám sát, khảo sát và một số hoạt động khác của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân phường khi cần thiết; phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những nội dung quan trọng ở địa phương.

## **Chương XII**

### **ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

#### **Điều 83. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân**

Hội đồng nhân dân phường căn cứ đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, các quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, HĐND tỉnh về chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp để quyết định kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân phường từ nguồn ngân sách địa phương.

#### **Điều 84. Bộ máy giúp việc của Hội đồng nhân dân**

1. Văn phòng HĐND-UBND phường có chức năng tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường, cung cấp thông tin, bảo đảm điều kiện vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân.



2. Văn phòng HĐND- UBND có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.

### **Điều 85. Chế độ khen thưởng, kỷ luật**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân đánh giá, xếp loại hoạt động của Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân phường định kỳ hàng năm và cả nhiệm kỳ 2021 - 2026.

2. Công tác thi đua, khen thưởng đối với đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo các quy định hiện hành.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân là cán bộ, công chức nhà nước vi phạm kỷ luật phải xử lý buộc thôi việc, cách chức hoặc tạm đình chỉ công tác thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trước khi ra quyết định kỷ luật phải thông báo bằng văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân.

## **Chương XIII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 86. Tổ chức thực hiện**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân phường, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân phường, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân phường Tây Hiếu theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện và bổ sung, sửa đổi Quy chế khi cần thiết. /.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**